

Bản án số: 65/2025/DS-PT

Ngày 19 – 02 – 2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Bằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mầu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất ranh giới liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 391/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, Sinh năm 1960 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị B: Luật sư Quách Trọng P – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt).

\* Bị đơn: Ông Lê Văn D, Sinh năm 1966 (có mặt).

Ông Dương Văn K, Sinh năm: 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N1 (xin không tham gia tố tụng).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Loan T, Sinh năm: 1988 (vợ ông K) (có mặt).

- Bà Quách Thị H, Sinh năm: 1952 (mẹ ông K) (xin vắng mặt).
- Ông Dương Hữu H1, Sinh năm: 1944 (cha ông K) (xin vắng mặt).
- Bà Bùi Thị N, Sinh năm: 1971 (vợ ông D), (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1993 (có mặt)

- Bà Trần Mai L, Sinh năm: 1995 (con bà B) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn D và ông Dương Văn K là bị đơn, bà Bùi Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Bà và chồng bà là ông Trần Việt H2 có một phần đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 17.000 m<sup>2</sup>, ngày 10/01/1995 phần đất tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Ông Trần Việt H2 chết nên bà thừa kế phần đất trên. Năm 2019 bà phát hiện gia đình ông D và gia đình ông K lấn chiếm của bà cụ thể:

Vợ chồng ông Lê Văn D và bà Bùi Thị N lấn chiếm của bà phần đất ngang 4 mét (hướng N, mặt tiền), 02 mét (hướng Bắc, mặt hậu), dài 225,5 mét (Theo đo đạc thực tế hướng Bắc 0,56m, hướng Nam 1,81 mét, một cạnh dài 230,3 mét, một cạnh dài 229,94, tổng cộng diện tích 270,5m<sup>2</sup>).

Ông Dương Văn K lấn chiếm của bà phần đất ngang 3,74 mét (hướng N, mặt tiền), 2,37 mét (hướng Bắc, mặt hậu), dài 206,3 mét (Theo đo đạc thực tế hướng Bắc 0,87m, hướng Nam 0,66 mét, một cạnh dài 208,51 mét, một cạnh dài 208,34, tổng cộng diện tích 160,5 m<sup>2</sup>).

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc ông D trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 270,5 m<sup>2</sup>, buộc ông K trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 206,3 m<sup>2</sup>. Bà đồng ý trích đo hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1 và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 051CM271222/CT-TVV ngày 29/3/2023 của Công ty cổ phần T1 về giá trị đất, công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

\* Bị đơn ông Lê Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N thống nhất trình bày: Ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B. Ông, bà có phần đất giáp ranh với bà B, nguồn gốc phần đất này là do ông, bà nhận tặng cho lại từ người anh là ông Lê Hồng H3. Đến năm 1995 ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích là 10.700 m<sup>2</sup> ngày 10/01/1995. Ông bà quản lý sử dụng đúng phần diện tích đất trên cho đến nay. Đến năm 2019 thì bà B nói ông bà quản lý đất có dư so với phần đất nhận chuyển nhượng nên yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Tuy ông bà không có lấn đất nhưng ông bà vẫn đồng ý chia đôi phần ranh chênh lệch. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông bà trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 225,5 m<sup>2</sup> thì ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B, bởi vì đây là phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng

của ông bà, sử dụng ổn định từ trước đến nay. Trên phần đất tranh chấp có hàng dừa do ông bà trồng. Ông bà đồng ý trích đo hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1 và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 051CM271222/CT-TVV ngày 29/3/2023 của Công ty cổ phần T1 về giá trị đất, công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

\* Bị đơn ông Dương Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Loan T thống nhất trình bày: Ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B, ông bà có phần đất giáp ranh với bà B, nguồn gốc phần đất này là do ông bà nhận tặng cho lại từ cha là ông Dương Hữu H1. Đến năm 1995 ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích là 23.000 m<sup>2</sup>. Ông bà quản lý sử dụng đúng phần diện tích đất trên cho đến nay. Đến năm 2019 thì bà B nói ông bà quản lý đất có dư so với phần đất nhận chuyển nhượng nên yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Tuy ông bà không có lần đất nhưng ông vẫn đồng ý chia đôi phần ranh chệnh lệch. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông bà trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 160,5 m<sup>2</sup> thì ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B, bởi vì đây là phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông bà, sử dụng ổn định từ trước đến nay. Trên phần đất tranh chấp có một số cây bạch đàn do ông bà trồng. Ông bà đồng ý trích đo hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1 và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 051CM271222/CT-TVV ngày 29/3/2023 của Công ty cổ phần T1 về giá trị đất, công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C xác định: Tại Công văn số 143/TB-NHNo-CN ngày 26/8/2024 Ông Dương Văn K có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền vốn 200.000.000 đồng của Ngân hàng, hiện nay món nợ còn trong hạn. Việc tranh chấp đất của các đương sự không ảnh hưởng lớn đến tài sản thế chấp cũng như nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng nên Ngân hàng xin không tham gia tố tụng tại Tòa.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:179/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B

Buộc ông Lê Văn D và bà Bùi Thị N trả lại cho bà Trần Thị B phần đất đã lần theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M12 đến M11 là 0,905 mét (1,81 mét chia đôi), cạnh từ M5 đến M6 là 0,28 mét (0,56 mét chia đôi), với diện tích 135,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa thửa ký hiệu số 7 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

Ông Lê Văn D và bà Bùi Thị N được sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M11 đến M12 là 0,905 mét (1,81 mét chia đôi), cạnh từ M6 đến M5 là 0,28 mét (0,56 mét chia đôi), với diện tích 135,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa thửa ký hiệu số 7 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

Buộc ông Dương Văn K và bà Nguyễn Loan T trả lại cho bà Trần Thị B phần đất đã lấn theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M13 đến M14 là 0,33 mét (0,66 mét chia đôi), cạnh từ M4 đến M3 là 0,435 mét (0,87 mét chia đôi), với diện tích 80,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa các thửa ký hiệu số 3, 4 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

Ông Dương Văn K và bà Nguyễn Loan T được sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M14 đến M13 là 0,33 mét (0,66 mét chia đôi), cạnh từ M3 đến M4 là 0,435 mét (0,87 mét chia đôi), với diện tích 80,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa thửa các thửa ký hiệu số 3, 4 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Trần Thị B phải chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản và chi phí sao lục hồ sơ tổng cộng là 15.255.000 đồng, ông Lê Văn D phải chịu 7.627.500 đồng, ông Dương Văn K phải chịu 7.627.500 đồng, do bà Trần Thị B đã nộp toàn bộ nên buộc ông Lê Văn D, ông Dương Văn K mỗi người phải thanh toán lại cho bà Trần Thị B số tiền 7.627.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2024, ông Lê Văn D, bà Bùi Thị N và ông Dương Văn K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị đơn ông Lê Văn D, ông Dương Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo

\* Luật sư tham gia tranh luận: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Lê Văn D, ông Dương Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của các ông Lê Văn D, bà Bùi Thị N và ông Dương Văn K còn trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy phần đất bà B hiện tại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 17.000 m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 18.068,8m<sup>2</sup>, không tính phần đất tranh chấp).

Phần đất ông D đang quản lý sử dụng hiện tại có tổng diện tích được cấp là 10.700m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 13.620,6m<sup>2</sup> (không tính phần đất tranh chấp do bà B xác định là ông D lấn chiếm diện tích 270,5m<sup>2</sup>).

Phần đất ông K đang quản lý sử dụng hiện tại có tổng diện tích được cấp là 23.000m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 27.158,3m<sup>2</sup> (không tính phần đất tranh chấp do bà B xác định là ông K lấn chiếm diện tích 160,5m<sup>2</sup>).

Như vậy cả nguyên đơn và các bị đơn đều đang quản lý sử dụng phần đất trên thực tế lớn hơn rất nhiều so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng đối với mặt tiền đất tranh chấp thì các đương sự đều xác định gia đình các ông D, ông K đang quản lý sử dụng ổn định phần đất tranh chấp từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Về cây cối, công trình kiến trúc trên đất: Các đương sự đều thừa nhận trên phần đất tranh chấp thì có 01 cây dừa lâu năm, nằm ngay ranh giáp phần đất tranh chấp giữa bà B với ông D do ông Nguyễn Tấn Đ là chủ đất cũ trồng trước đây, trước khi chuyển nhượng cho vợ chồng ông H2, bà B, các cây dừa nhỏ còn lại do ông D trồng. Vợ chồng ông H2, bà B đã nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Tấn Đ sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Các đương sự đều thừa nhận quá trình quản lý, sử dụng phần đất trên ổn định đến năm 2019 mới xảy ra tranh chấp với bà B thời điểm chuyển dịch sang nuôi tôm. Thời điểm này cả nguyên bị đơn đều có thuê xáng cạp vào múc bờ của mỗi bên từ đó có làm thay đổi ranh giới.

[3] Xét thấy ranh giới giữa các bất động sản liền kề được thỏa thuận của các chủ sở hữu hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định theo bản đồ địa chính hoặc theo tập quán sử dụng ổn định từ trước. Ranh giới của bà B, ông D, ông K từ trước đến nay không có tranh chấp, các bên tranh chấp phát sinh từ năm 2019. Việc các đương sự được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo tự kê khai hoặc bản đồ năm 229 không được đo đạc chi tiết, rõ ràng, trên thực tế các bị đơn đều cho là phần đất đã được cấp ranh giới giữa bà B và ông D có cây dừa được chủ đất trước của bà B trồng và từ đó hai bên không có tranh chấp nhưng bà B không thừa nhận cây dừa là ranh giới chung mà ranh giới chung là ½ bờ hiện hữu.

Theo tập quán đất liền ranh thì giữa phần đất của các đương sự đều phải có bờ ranh để làm lối đi và là bờ bao để nuôi trồng thủy sản. Giữa phần đất do bà B và ông D, ông K đều phải có bờ để thuận tiện đi lại và nuôi trồng thủy sản, quản lý sử dụng. Tại Biên bản hòa giải cơ sở năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã T thì các bị đơn đều thống nhất chia đôi bờ ranh phần đất tranh chấp. Như vậy có cơ sở xác định việc yêu cầu của bà B là có căn cứ. Tại phiên tòa bà B đồng ý chia đôi phần tranh chấp là phù hợp với thực tế quản lý sử dụng đất và tập quán ở địa phương,

phù hợp với sự thỏa thuận và thừa nhận của các đương sự tại Biên bản hòa giải cơ sở nên án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà B.

Như vậy căn cứ vào vị trí, hiện trạng diện tích được cấp trước đây và hiện trạng thực tế mà nguyên đơn, bị đơn đang trực tiếp quản lý sử dụng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì có cơ sở xác định gia đình ông D, ông K đang lấn chiếm một phần đất của bà B là một nửa của phần đất tranh chấp. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B là phù hợp. Các đương sự có quyền liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục điều chỉnh lại diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

Tại tòa người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo.

Đối với phần giá trị cải tạo đất và cây cối, công trình kiến trúc trên đất, do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ Liên quan. Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị này là phù hợp với các phân tích trên.

[5] Chi phí đo đạc, chi phí định giá tài sản phần đất tranh chấp, chi phí sao lục hồ sơ tổng cộng là 30.510.000 đồng: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà B phải chịu một nửa chi phí là 15.255.000 đồng, ông D phải chịu 7.627.500 đồng, ông K phải chịu 7.627.500 đồng. Do bà B đã nộp xong nên cần buộc ông D, ông K mỗi người phải thanh toán lại cho bà B số tiền 7.627.500 đồng là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, ông K phải chịu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông D, bà N, ông K phải chịu

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D, bà Bùi Thị N và ông Dương Văn K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

Buộc ông Lê Văn D và bà Bùi Thị N trả lại cho bà Trần Thị B phần đất đã lấn theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M12 đến M11 là 0,905 mét (1,81 mét chia đôi), cạnh từ M5 đến M6 là 0,28 mét (0,56 mét chia đôi), với diện tích 135,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể

hiện là một nửa thửa ký hiệu số 7 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

Ông Lê Văn D và bà Bùi Thị N được sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M11 đến M12 là 0,905 mét (1,81 mét chia đôi), cạnh từ M6 đến M5 là 0,28 mét (0,56 mét chia đôi), với diện tích 135,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa thửa ký hiệu số 7 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

Buộc ông Dương Văn K và bà Nguyễn Loan T trả lại cho bà Trần Thị B phần đất đã lấn theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M13 đến M14 là 0,33 mét (0,66 mét chia đôi), cạnh từ M4 đến M3 là 0,435 mét (0,87 mét chia đôi), với diện tích 80,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa thửa ký hiệu số 3, 4 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

Ông Dương Văn K và bà Nguyễn Loan T được sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp có cạnh từ M14 đến M13 là 0,33 mét (0,66 mét chia đôi), cạnh từ M3 đến M4 là 0,435 mét (0,87 mét chia đôi), với diện tích 80,25 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất được thể hiện là một nửa thửa ký hiệu số 3, 4 theo bản vẽ hiện trạng ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH P1.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Trần Thị B phải chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản và chi phí sao lục hồ sơ tổng cộng là 15.255.000 đồng, ông Lê Văn D phải chịu 7.627.500 đồng, ông Dương Văn K phải chịu 7.627.500 đồng, do bà Trần Thị B đã nộp toàn bộ nên buộc ông Lê Văn D, ông Dương Văn K mỗi người phải thanh toán lại cho bà Trần Thị B số tiền 7.627.500 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Trần Thị B. Buộc ông Lê Văn D, ông Dương Văn K mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn D, bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30/9/2024, ông D, bà N dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0013617 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu. Ông Dương Văn K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30/9/2024 ông K đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 001316 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**Dương Hùng Quang**